

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2024/DS-ST  
Ngày: 22 – 7 – 2024  
Về tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi  
và vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG,  
TỈNH TÂY NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Phạm Thị Yến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Rát.
- Ông Trần Văn Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Bùi Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** bà Lê Thị Hồng Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Anh T (tên gọi khác: H), sinh năm 1987; địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo Đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:**

Giữa bà và vợ chồng bà L, ông T là chòm xóm. Bà L có tham gia tất cả 02 dây hụi do bà làm chủ thảo, cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: hụi mệnh giá 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/3/2023 (âm lịch), gồm 15 phần, mãn ngày 10/5/2024 (âm lịch). Bà và các hụi viên thỏa thuận hụi sống thì đóng 1.000.000 đồng, hụi chết thì đóng 1.200.000 đồng. Tiền hoa hồng cho chủ hụi là 400.000 đồng. Bà L tham gia 01 phần và hốt hụi kỳ đầu tiên được số tiền 13.600.000 đồng. Bà L đóng hụi chết cho bà đến hết tháng 12/2023 âm lịch thì ngưng. Dây hụi này bà L còn nợ lại bà 0 kỳ hụi chết thành tiền là 6.000.000 đồng.

Dây thứ hai: hụi mệnh giá 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 25/4/2023 (âm lịch), gồm 17 phần, mãn ngày 25/8/2024 (âm lịch). Bà và các hụi viên thỏa thuận hụi sống thì đóng 1.000.000 đồng, hụi chết thì đóng 1.200.000 đồng. Tiền hoa hồng cho chủ hụi là 400.000 đồng. Bà L tham gia 01 phần. Bà L hốt hụi kỳ thứ 4 được số tiền 16.200.000 đồng. Bà L đóng hụi chết cho bà đến hết tháng 12/2023 âm lịch thì ngưng. Dây hụi này bà L còn nợ lại bà 01 kỳ hụi chết thành tiền là 9.600.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi tiền hụi chết bà L còn nợ lại bà là 15.600.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 22/7/2023 âm lịch bà L có vay của bà 5.000.000 đồng, ngày 23/7/2023 âm lịch bà L có vay của bà 3.000.000 đồng, ngày 15/10/2023 âm lịch vay thêm 1.000.000 đồng. Khi vay tiền bà L có viết giấy mượn tiền và ký tên nhưng không thỏa thuận thời hạn vay, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói khi nào mãn hụi bà L sẽ vào dây hụi mới và hốt hụi trả nợ cho bà nên hai bên cũng không thỏa thuận lãi suất. Thực tế bà L có phụ tiền lãi cho bà nhưng không nhiều và bà không nhớ tiền lãi đã trả là bao nhiêu.

Như vậy, tổng cộng tiền hụi và tiền vay bà L còn nợ bà là 24.600.000 đồng. Khi bà L ngưng đóng hụi cho bà thì bà đã yêu cầu bà L trả tiền vay và tiền hụi còn nợ nhưng bà L không trả và cố tình né tránh bà.

Do bà L và ông T là vợ chồng và mục đích bà L hốt hụi, vay tiền của bà để xoay sở công việc trong gia đình, lo cho con cái nên nay bà yêu cầu bà L, ông T cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 24.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà yêu cầu bà L, ông T trả một lần số tiền trên, không đồng ý cho trả dần.

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều L trình bày:**

Bà xác nhận bà có tham gia 02 dây hụi do bà X làm chủ thảo và còn nợ lại bà X số tiền hụi chết là 15.600.000 đồng. Ngoài ra, bà còn vay bà X số tiền 9.000.000 đồng như lời trình bày của bà X và đã trả tiền lãi cho bà X được khoảng 3.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh và nay bà cũng không yêu cầu tính lại tiền lãi mà bà đã trả cho bà X. Tổng cộng, số tiền bà còn nợ bà X là 24.600.000 đồng. Số tiền bà vay của bà X và lãnh hụi từ bà X bà sử dụng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình.

Bà và ông T chung sống với nhau khoảng từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, T, tỉnh Tây Ninh. Thời điểm bà chơi hụi và vay tiền của bà X thì bà và ông T vẫn còn là vợ chồng và đang còn sống chung một nhà. Hiện tại, bà và ông T vẫn chưa ly hôn nhưng vợ chồng đang sống ly thân. Trong thời gian chung sống,

bà và ông T đều làm công nhân. Tiền bạc trong gia đình do bà quản lý nên toàn bộ chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do bà lo hết. Từ ngày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì tiền của ai người đó quản lý.

Nay bà đồng ý trả cho bà X số tiền 24.600.000 đồng nhưng do có dây hụi chưa mãi nên bà xin trả dần cho bà X mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Do ông T không đồng ý cùng bà trả nợ nên nay bà cũng không đồng ý buộc ông T cùng trả nợ cho bà X.

**\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Anh T trình bày:**

Ông T thống nhất lời trình bày của bà L về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và hiện vợ chồng không còn sống chung một nhà. Ông và bà X là chòm xóm với nhau nhưng ông không tham gia góp hụi do bà X làm chủ thảo cũng không vay tiền của bà X và cũng không biết việc vợ ông vay tiền và tham gia chơi hụi của bà X. Trong thời gian sống chung, ông và bà L đều làm công nhân. Tiền bạc trong gia đình do bà L quản lý. Tiền lương của ông trung bình khoảng 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng. Mỗi tháng ông đưa cho bà L khoảng 6.000.000 đồng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Nay ông không đồng ý cùng bà L trả nợ cho bà X vì ông không vay tiền của bà X cũng không tham gia góp hụi với bà X.

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:**

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X đối với bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Nguyễn Anh T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi. Buộc bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Nguyễn Anh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 24.600.000 đồng. Ghi nhận bà X không yêu cầu tính lãi suất.

2. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa*

vụ liên quan và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà L, ông T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền hụi, tiền vay nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[3] Xét yêu cầu trả số tiền hụi chết và tiền vay tổng cộng là 24.600.000 đồng của nguyên đơn thấy rằng: bà X và bà L đều thống nhất các dây hụi mà bà L tham gia, thống nhất thời gian lĩnh các dây hụi và thời gian bà L ngưng đóng hụi chết. Hai bên cũng thống nhất số tiền hụi chết bà L còn nợ bà X là 15.600.000 đồng. Việc bà L không đóng hụi chết cho bà X là vi phạm nghĩa vụ góp hụi theo quy định tại Điều 16 và Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Để giao hụi cho các thành viên khác khi đến kỳ, bà X phải góp các phần hụi thay cho bà L để đảm bảo hụi hoạt động đến cuối kỳ nên nay bà L phải có nghĩa vụ trả lại số tiền bà X đã góp thay cho bà L tính từ ngày ngưng hụi cho đến ngày xét xử là ngày 22/7/2024 là phù hợp. Đối với dây hụi chưa mãn, bà L chưa vi phạm nghĩa vụ góp hụi nên bà L có nghĩa vụ tiếp tục đóng các kỳ hụi hàng tháng cho đến khi mãn hụi là phù hợp. Cụ thể:

Dây hụi mệnh giá 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/3/2023 (âm lịch), mãn ngày 10/5/2024 (âm lịch). Bà L đóng hụi chết đến hết tháng 12/2023 âm lịch thì ngưng nên bà X đã góp thay cho bà L 05 tháng thành tiền là 6.000.000 đồng. Vì vậy, bà L có nghĩa vụ trả lại cho bà X số tiền 6.000.000 đồng.

Dây hụi mệnh giá 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 25/4/2023 (âm lịch), mãn ngày 25/8/2024 (âm lịch), bà L đóng hụi chết cho bà X đến hết tháng 12/2023 âm lịch thì ngưng. Dây hụi này bà X góp thay cho bà L 06 tháng thành tiền là 6.000.000 đồng nên bà L có nghĩa vụ trả cho bà X số tiền 6.000.000 đồng và tiếp tục đóng cho bà X 03 tháng, mỗi tháng số tiền 1.200.000 (Một triệu hai trăm nghìn) đồng tính từ ngày 25/6/2024 âm lịch tức ngày 30/7/2024 dương lịch.

Bà X và bà L cũng thống nhất trình bày tổng cộng số tiền bà L vay của bà X là 9.000.000 đồng và từ ngày vay đến nay bà L chưa trả cho bà X số tiền nào. Bà X đã yêu cầu bà L trả nợ cho bà nhưng bà L không thực hiện. Việc bà L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà X là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, nay bà X khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền vay 9.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, bà L có nghĩa vụ trả cho bà X số tiền vay là 9.000.000 đồng và số tiền hụi bà X đã góp thay cho bà L là 6.000.000 đồng + 6.000.000 đồng = 12.000.000 đồng và tiếp tục góp các kỳ hụi cho đến mãn như phân tích ở trên.

[4] Xét yêu cầu buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả nợ thấy rằng: ông T trình bày ông không tham gia chơi hụi của bà X cũng không biết việc bà L tham gia chơi hụi và vay tiền của bà X nên không đồng ý trả nợ cho bà X. Tuy nhiên, bà L trình bày bà vay tiền và hốt hụi của bà X nhằm mục đích sử dụng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Như vậy, mục đích bà L sử dụng khoản tiền trên để phục vụ các nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình và giao dịch được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L và ông T nên ông T phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà L trả số tiền hụi và tiền vay còn nợ cho bà X là phù hợp với quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà X không yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm góp hụi và số tiền vay nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà X được chấp nhận nên bà L, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Án phí được tính như sau:

$24.600.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.230.000$  (Một triệu hai trăm ba mươi nghìn) đồng.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X đối với bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Nguyễn Anh T về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Nguyễn Anh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền vay và tiền hụi bà X đã góp thay cho bà L, ông T tính đến ngày 22 tháng 7 năm 2024 là 21.000.000 (Hai mươi một triệu) đồng và tiếp tục đóng mỗi tháng cho đến ngày mãn hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi mệnh giá 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 25/4/2023 (âm lịch), bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Nguyễn Anh T có nghĩa vụ tiếp tục đóng 03 tháng, mỗi tháng số tiền 1.200.000 (Một triệu hai trăm nghìn) đồng tính từ ngày 25/6/2024 âm

lịch tức ngày 30/7/2024 dương lịch đến ngày mãn hạn là ngày 25/8/2024 âm lịch tức ngày 27/9/2024 dương lịch.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Nguyễn Anh T phải chịu 1.230.000 (Một triệu hai trăm ba mươi nghìn) đồng.

**3.** Về quyền kháng cáo: bà X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bà L, ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

**Phạm Thị Yến**